

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 27-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Văn Quen
- Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; trụ sở: số 266-268 đường M, phường N, quận P, Tp.Q.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đa R, chức vụ: Phó phòng – Phòng giao dịch N; trú tại: Khóm M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Q; có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ánh T sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; tạm trú: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q, vắng mặt.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Chung Hữu Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và lời khai tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là ông Trần Đa R trình bày:

Ngày 25/8/2016 bà Lê Thị Ánh T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng. Sau khi ký hợp đồng bà T thực hiện các giao dịch với tổng cộng số tiền 45.150.000 đồng với mức lãi suất trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.538.754 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê đính kèm). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T không có thiện chí trả nợ, do đó bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 30/6/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ bà T còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 17.400.721 đồng thành nợ gốc và áp dụng mức lãi suất quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2022 bà T còn nợ Ngân hàng gồm: nợ gốc 17.400.721 đồng, nợ lãi quá hạn 2.116.920 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu bà T trả số tiền gốc 17.400.721 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 27/3/2023 là 6.212.700 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/3/2023 đến khi bà T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hoà giải được và thông báo kết quả phiên họp cho bà T được biết. Tuy nhiên bà T không có ý kiến; không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, tuy nhiên bà T đều vắng mặt.

Tòa án không có tiến hành thu thập, tài liệu chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu bà Tuyết trả tiền mở thẻ tín dụng còn nợ; bị đơn bà T có địa chỉ cư trú ấp M, xã N, thị xã P. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Theo giấy đề nghị kim hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T ký kết với bà Tuyết thể hiện địa chỉ của bà T là tại ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q. Hiện nay bà Tuyết đã thay đổi nơi cư trú, nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới của bà T ở đâu là thuộc trường hợp bị đơn bà T cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ 02 lần, nhưng bà T đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, Hội đồng xét xử xét thấy: trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ nguyên đơn cung cấp như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 25/8/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch N với bà T và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện: Ngày 25/8/2016 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch N đã ký hợp đồng với bà T. Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, tiền lãi 2.5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã không thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà T là 17.400.721 đồng thành nợ gốc và áp dụng mức lãi suất quá hạn. Đến ngày Tòa án xét xử ngày 27/3/2023 hiện bà T còn nợ số tiền vốn gốc 17.400.721 đồng, lãi suất quá hạn tính đến ngày 27/3/2023 là 6.212.700 đồng, tổng cộng vốn và lãi là: 23.613.421 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T nhưng đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và bản tự khai cho Tòa án nên xem như là chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

[4] Về tính lãi phát sinh: Kể từ ngày 28/3/2023, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng ngày 25/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

[5] Về án phí: nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 488.000 đồng theo lai thu số 0009866 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Bị đơn bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: $23.613.421 \text{ đồng} \times 5 \% = 1.180.671 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T

- Buộc bà Lê Thị Ánh T trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tiền vốn nợ gốc 17.400.721 đồng và tiền lãi quá hạn là: 6.212.700 đồng. Tổng cộng là 23.613.421 đồng.

Kể từ ngày 28/3/2023, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng ngày 25/8/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Ánh T phải chịu 1.180.671 đồng án phí dân sự sơ thẩm. .

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tiền tạm ứng án phí là 488.000 đồng theo lai thu số 0009866 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Truyền